

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 888 /XMST-KHCL
V/v Mời chào giá cạnh tranh cung cấp
Than cám 4a.1.

Phủ Thọ, ngày 27 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Các nhà cung cấp than

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu mua than phục vụ sản xuất của Công ty, chúng tôi trân trọng mời các Nhà cung cấp than tham gia chào giá cạnh tranh cung cấp than cám 4a.1 hoặc than cám có chất lượng tương đương than cám 4a.1 theo TCVN 8910-2015, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật, nguồn gốc:

- Than cám có chất lượng tương đương than cám 4a.1 theo TCVN 8910-2015;
- Nguồn gốc Than hợp pháp theo Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 14/2013/TT-BCT ngày 15/7/2013 của Bộ Công thương.
- Các chỉ tiêu kỹ thuật.

TT	Tên chỉ tiêu kỹ thuật	Yêu cầu
1	Cỡ hạt (mm)	≤ 15
-	Tỷ lệ trên cỡ khi giao nhận ban đầu không lớn hơn (%)	10
2	Độ tro khô, A^k (%)	
-	Trung bình	21,00
-	Giới hạn	19,00÷23,00
3	Độ ẩm toàn phần, W^{tp} (%)	
-	Trung bình	8,5
-	Giới hạn	≤ 13
-	Các lô hàng có giá trị độ ẩm toàn phần trung bình khác 8,5% đều được quy về 8,5% để thanh toán.	8,5%
4	Chất bốc khô, V^k (%)	$\geq 6,5$
5	Lưu huỳnh chung khô, S_{ch}^k (%)	
-	Trung bình	0,65
-	Giới hạn	$\leq 0,9$
6	Nhiệt trị toàn phần (khô) Q_{gr}^k Cal/g	≥ 6.400

2. Thời gian, địa điểm và tiến độ cung cấp.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 02 tháng;

- Tổng khối lượng cung cấp: 16.000 tấn;
- Địa điểm giao hàng: Tại phễu tiếp nhận của Nhà máy xi măng Vicem Sông Thao tại Khu 9, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- Tiến độ cung cấp: Khối lượng than được cung cấp theo từng đợt hàng tháng, khối lượng từng đợt trong tháng theo đơn đặt hàng của Bên A và Bên A sẽ thông báo trước 5 ngày (làm việc) cho bên B.

3. Yêu cầu về năng lực, kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu.

3.1. Yêu cầu về năng lực, kỹ thuật:

TT	Tên nội dung yêu cầu	Yêu cầu đáp ứng	Ghi chú
A	Yêu cầu năng lực	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Có ít nhất 01 hợp đồng cung cấp Than cám 4a.1 khối lượng ≥ 3.000 tấn/ tháng đã hoàn thành	Bản sao
B	Yêu cầu năng lực cung cấp	Không thấp hơn 3000 tấn/tháng	
C	Yêu cầu kỹ thuật, nghiệm thu thanh toán		
1	Nguồn gốc than	Có tài liệu chứng minh nguồn gốc Than hợp pháp theo Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 14/2013/TT-BCT ngày 15/7/2013 của Bộ Công thương.	Bản sao
2	Chỉ tiêu kỹ thuật than	Bản chào giá có kèm bản Chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng theo yêu cầu tại mục 1	
3	Phương thức giao nhận, nghiệm thu thanh toán	Có cam kết tuân thủ Phương thức giao nhận, nghiệm thu thanh toán và các nội dung khác theo dự thảo hợp đồng.	

Yêu cầu cung cấp mẫu: Các đơn vị chưa từng có Hợp đồng thực hiện cung cấp than cho Vicem Sông Thao thì yêu cầu gửi kèm mẫu than cùng hồ sơ chào giá để kiểm tra đánh giá chất lượng than mẫu.

3.2. Yêu cầu giao nhận về chất lượng:

Lấy mẫu, chuẩn bị mẫu và phân tích các chỉ tiêu chất lượng Than thực hiện theo TCVN 1693:2008 (ISO 18283-2006), theo đó:

- Không lấy mẫu khi trời mưa.
- Khối lượng hàng hóa được xác định qua cầu cân của Bên A.
- Trước khi than tạm nhập kho của Bên A, hai bên cử đại diện cùng nhau lấy mẫu đơn trên từng xe hàng và tiến hành phân tích mẫu chung cho cả lô hàng của 1 (trong 1 ngày và khối lượng lô hàng không vượt quá 1.000 tấn). Việc lấy mẫu do Bên A đưa yêu cầu.
- Các mẫu đơn của lô than được trộn đều thành mẫu cơ sở đảm bảo đại diện cho chất lượng của lô than lấy mẫu.
- Mẫu than cơ sở sau khi rút gọn thành tổ hợp gồm 3 mẫu, mỗi mẫu từ 2 đến 3kg: 01 mẫu giao cho Bên A; 01 mẫu giao cho Bên B; 01 mẫu để lưu. Mẫu lưu phải được hai bên

CP

cùng niêm phong và giao cho bên A bảo quản. Bên A phân tích mẫu và thông báo kết quả cho Bên bán trong vòng 24 giờ sau khi lấy mẫu. Việc phân tích mẫu được thực hiện theo các TCVN hiện hành (TCVN 172:2011; TCVN 173:2011; TCVN 174:2011; TCVN 200:2011; TCVN 175:1995).

3.3. Nghiệm thu chất lượng:

- Kết quả phân tích mẫu của Bên A sẽ được sử dụng làm cơ sở để nghiệm thu và thanh toán lô than nhập.

- Nếu lô than đã tạm nhập mà kết quả phân tích của Bên A không đạt chất lượng theo TCVN 8901:2015 thì Bên A sẽ từ chối nhập lô hàng đó và Bên B phải tự bốc xúc lô than không đạt TCVN 8901:2015 ra khỏi Nhà máy của Bên A, mọi chi phí do Bên B chịu.

- Trường hợp nghi ngờ kết quả phân tích của các bên có sai lệch mà không thỏa thuận được, thì mẫu lưu (do bên A giữ còn nguyên niêm phong) sẽ được đại diện hai bên cùng đưa đến một cơ quan giám định độc lập do hai bên thống nhất chỉ định để giám định đối chứng. Kết quả giám định của cơ quan này là cơ sở để xác định chất lượng của lô hàng, mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.

- Trường hợp có tranh chấp về chất lượng, nhưng mẫu lưu không còn nguyên niêm phong hoặc do Bên A đơn phương đi giám định lại thì mẫu lưu và/hoặc kết quả giám định lại không có giá trị để xác định chất lượng lô hàng. Trong trường hợp này, các giấy chứng nhận chất lượng do bên B cung cấp kèm theo lô hàng sẽ là căn cứ để xác định chất lượng lô hàng.

3.4. Khối lượng thanh toán Than theo độ ẩm:

Đối với các lô hàng có độ ẩm thực tế cao hoặc thấp hơn 8,5% thì khối lượng thanh quyết toán đều được quy về độ ẩm trung bình theo TCVN là 8,5% và được xác định theo công thức như sau:

$$M_{TT} = M_{GN} \times \frac{100 - W_{tt}^{tp}}{100 - 8,5}$$

Trong đó:

M_{TT} : Khối lượng Than thanh toán theo độ ẩm thực tế quy về độ ẩm 8,5%.

M_{GN} : Khối lượng giao nhận qua cầu cân Bên A (tương ứng độ ẩm thực tế).

W_{TT}^{tp} : Độ ẩm thực tế giao nhận của Than (theo kết quả phân tích của Bên A và được Bên B thống nhất).

3.5. Phương thức thanh, quyết toán:

a. Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ, trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán được A-B ký.

b. Hồ sơ thanh toán được lập cho từng đoàn phương tiện trên cơ sở biên bản giao nhận khối lượng giữa Hai Bên của từng đợt nhập Than.

4. Các nội dung khác theo Dự thảo hợp đồng đính kèm.

9082
Đ. T. PHU
THAO
EM
NG
H. T. PHU

5. Bảng Giá chào ghi đầy đủ thông tin của từng mục theo mẫu sau:

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Khả năng cấp 1 tháng	Tổng khối lượng cấp 2 tháng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=5x6)
1	Than cám 4a.1	Tấn				
Thuế VAT 10%						
Tổng cộng đã bao gồm thuế VAT						

(Bằng chữ :)

Ghi chú: - Giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển đến phễu tiếp nhận của Nhà máy xi măng Vicem Sông Thao và các chi phí khác có liên quan.

- Khối lượng chào giá không ít hơn 3.000 tấn/tháng

6. Đề nghị nhà cung cấp có năng lực quan tâm, đáp ứng yêu cầu xin gửi hồ sơ chào giá theo các yêu cầu trên (hồ sơ cho vào túi có niêm phong) về địa chỉ: Phòng Kế hoạch chiến lược, Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao Khu 9 xã Ninh Dân-Thanh Ba - Phú Thọ. Thời gian: trước **10h00 ngày 22/3 / 2019**.

Liên hệ Mr Hải phòng Kế hoạch chiến lược.

Địa chỉ email: phongkehoachchienluoc@gmail.com, Mobile: 034 3491 558.

Hồ sơ chào giá đến sau thời gian yêu cầu sẽ không được xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (b/c);
- Phòng: KT&NCTK; KHCL;
- Xưởng VT&CCU;
- Lưu: VT, KHCL.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Nguyễn Anh Tuấn

PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Dự thảo)

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2019/HĐKT

V/v mua bán Than cám 4a.1 phục vụ sản xuất

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 năm 2015, Luật Thương mại số 36/2005/QH11 năm 2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 15/3/2019 của Hội đồng quản trị V/v Phê duyệt dự toán phân vật tư công nghệ 2019;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-XMST ngày/...../2019 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao V/v phê duyệt kết quả LCNCC Than cám 4a.1;

Căn cứ Biên bản thương thảo V/v ký Hợp đồng mua bán Than cám 4a.1, ngày/...../2019 giữa Hai Bên;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên,

Hôm nay, ngày/...../2019, tại Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, Hai Bên gồm:

I. BÊN A (BÊN MUA): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Địa chỉ : Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Đại diện : Ông **Nguyễn Quang Huy** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Điện thoại : 0210 3884 927 Fax: 0210 3884 929

Tài khoản : 115000040144

Ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam - CN Đền Hùng

Mã số thuế : 260 027 9082

II. BÊN B (BÊN BÁN): CÔNG TY

Địa chỉ :

Đại diện : Ông (Bà)..... Chức vụ: **Giám đốc**

Điện thoại : Fax:

Tài khoản :

Ngân hàng :

Mã số thuế :

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ
VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN CỤ THỂ DƯỚI ĐÂY

Điều 1. Nội dung, khối lượng Hợp đồng:

1.1. Nội dung Hợp đồng: Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán Than cám 4a.1 để phục vụ công việc sản xuất của Bên A năm 2019.

1.2. Khối lượng: tấn.

- Khối lượng trên chỉ là tạm tính, khối lượng mua bán theo khối lượng thực nhập.

- Tiến độ cung cấp: Khối lượng than được cung cấp theo từng đợt hàng tháng, khối lượng từng đợt trong tháng theo đơn đặt hàng của Bên A và Bên A sẽ thông báo trước 5 ngày (làm việc) cho bên B.

1.3. Chất lượng: Theo TCVN 8910:2015 và thỏa thuận giữa Hai Bên.

1.3.1. Theo TCVN 8910:2015.

	Tên chỉ tiêu kỹ thuật	Giá trị yêu cầu
1	Cỡ hạt (mm)	≤ 15
	Tỷ lệ trên cỡ khi giao nhận ban đầu không lớn hơn (%)	10
2	Độ tro khô, A^k (%)	
	Trung bình	21,00
	Giới hạn	$19,00 \div 23,00$
3	Độ ẩm toàn phần, W^{tp} (%)	
	Trung bình	8,5
	Giới hạn	≤ 13
	Các lô hàng có giá trị độ ẩm toàn phần trung bình khác 8,5% đều được quy về 8,5% để thanh toán.	8,5%
4	Chất bốc khô, V^k (%)	
	Giới hạn	$\geq 6,5$
5	Lưu huỳnh chung khô, S_{ch}^k (%)	
	Trung bình	0,65
	Giới hạn	$\leq 0,90$
6	Nhiệt trị toàn phần (khô) Q_{gr}^k Cal/g	
	Giới hạn	≥ 6.400

1.3.2. Thỏa thuận khác:

a. Độ ẩm toàn phần (W_{tp}) khi giao nhận: Theo thực tế nhưng không lớn hơn 13%.

b. Độ ẩm để xác định khối lượng thanh toán tiền Than, tiền vận chuyển và các chi phí khác là 8,5% (độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2015). Với các lô hàng có độ ẩm toàn phần thấp hoặc cao hơn độ ẩm trung bình theo TCVN đều được quy về 8,5% để tính khối lượng thanh toán.

c. Đóng gói hàng hóa: Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị nước mưa thấm vào và các tác động khác của môi trường.

d. Vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa phải được vận chuyển đến phễu tiếp nhận than của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trên phương tiện tự do.

Điều 2. Địa điểm, phương thức giao nhận:

1.1. Địa điểm giao nhận: Tại kho của Bên A xã Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ.

1.2. Phương thức giao nhận về khối lượng: Qua cầu cân của Bên A.

1.3. Giao nhận về chất lượng:

Lấy mẫu, chuẩn bị mẫu và phân tích các chỉ tiêu chất lượng Than thực hiện theo TCVN 1693:2008 (ISO 18283-2006), theo đó:

- Không lấy mẫu khi trời mưa.
- Khối lượng hàng hóa được xác định qua cầu cân của Bên A.
- Trước khi than tạm nhập kho của Bên A, hai bên cử đại diện cùng nhau lấy mẫu đơn trên từng xe hàng và tiến hành phân tích mẫu chung cho cả lô hàng của 1 (trong 1 ngày và khối lượng lô hàng không vượt quá 1.000 tấn). Việc lấy mẫu do Bên A đưa yêu cầu.
- Các mẫu đơn của lô than được trộn đều thành mẫu cơ sở đảm bảo đại diện cho chất lượng của lô than lấy mẫu.
- Mẫu than cơ sở sau khi rút gọn thành tổ hợp gồm 3 mẫu, mỗi mẫu từ 2 đến 3kg: 01 mẫu giao cho Bên A; 01 mẫu giao cho Bên B; 01 mẫu để lưu. Mẫu lưu phải được hai bên cùng niêm phong và giao cho bên A bảo quản. Bên A phân tích mẫu và thông báo kết quả cho Bên bán trong vòng 24 giờ sau khi lấy mẫu. Việc phân tích mẫu được thực hiện theo các TCVN hiện hành (TCVN 172:2011; TCVN 173:2011; TCVN 174:2011; TCVN 200:2011; TCVN 175:1995).

Nghiệm thu chất lượng:

- Kết quả phân tích mẫu của Bên A sẽ được sử dụng làm cơ sở để nghiệm thu và thanh toán lô than nhập.
- Nếu lô than đã tạm nhập mà kết quả phân tích của Bên A không đạt chất lượng theo TCVN 8901:2015 thì Bên A sẽ từ chối nhập lô hàng đó và Bên B phải tự bốc xúc lô than không đạt TCVN 8901:2015 ra khỏi Nhà máy của Bên A , mọi chi phí do Bên B chịu.
- Trường hợp nghi ngờ kết quả phân tích của các bên có sai lệch mà không thỏa thuận được, thì mẫu lưu (do bên A giữ còn nguyên niêm phong) sẽ được đại diện hai bên cùng đưa đến một cơ quan giám định độc lập do hai bên thống nhất chỉ định để giám định đối chứng. Kết quả giám định của cơ quan này là cơ sở để xác định chất lượng của lô hàng, mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.
- Trường hợp có tranh chấp về chất lượng, nhưng mẫu lưu không còn nguyên niêm phong hoặc do Bên A đơn phương đi giám định lại thì mẫu lưu và/hoặc kết quả giám định lại không có giá trị để xác định chất lượng lô hàng. trong trường hợp này, các giấy chứng nhận chất lượng do bên B cung cấp kèm theo lô hàng sẽ là căn cứ để xác định chất lượng lô hàng.

Điều 3. Thời gian thực hiện: 02 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng.

Điều 4. Giá trị hợp đồng, phương thức thanh toán:

4.1. Giá trị Hợp đồng: đồng

Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Than cám 4a.1	tấn			

Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Than cám 4a.1	tấn			

Đơn giá đã có thuế VAT 10% và các chi phí khác có liên quan, giao tại kho của Bên A xã Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ.

Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu thị trường có biến động hoặc Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) có Quyết định điều chỉnh giá Than, hoặc cước vận tải tăng do giá xăng dầu biến động trên 10% Hai Bên sẽ thương thảo, thỏa thuận giá phù hợp và ký phụ lục Hợp đồng để thực hiện điều chỉnh.

4.2. Khối lượng thanh toán Than theo độ ẩm:

Đối với các lô hàng có độ ẩm thực tế cao hoặc thấp hơn 8,5% thì khối lượng thanh quyết toán đều được quy về độ ẩm trung bình theo TCVN là 8,5% và được xác định theo công thức như sau:

$$M_{TT} = M_{GN} \times \frac{100 - W^{tp}_{tt}}{100 - 8,5}$$

Trong đó:

M_{TT} : Khối lượng Than thanh toán theo độ ẩm thực tế quy về độ ẩm 8,5%.

M_{GN} : Khối lượng giao nhận qua cầu cân Bên A (tương ứng độ ẩm thực tế).

W^{tp}_{TT} : Độ ẩm thực tế giao nhận của Than (theo kết quả phân tích của Bên A và được Bên B thống nhất).

4.4. Phương thức thanh, quyết toán:

a. Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ, trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán được A-B ký.

b. Hồ sơ thanh toán được lập cho từng đoàn phương tiện trên cơ sở biên bản giao nhận khối lượng giữa Hai Bên của từng đợt nhập Than.

c. Hồ sơ thanh quyết toán gồm các giấy tờ sau:

+ Giấy chứng nhận giám định chất lượng hàng hóa của Bên B do đơn vị giám định độc lập có chức năng thực hiện.

+ Biên bản giao nhận hàng hóa giữa Hai Bên ký nhận.

+ Biên bản nghiệm thu hàng hóa (đại diện pháp nhân của Hai Bên ký nghiệm thu) kèm các phiếu thí nghiệm phân tích mẫu than của Bên A.

+ Hồ sơ thanh toán được A-B ký.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng của Bên B (bản gốc) có giá trị bằng 100% giá trị được thanh toán nêu trong hồ sơ thanh toán được A-B ký;

Việc giao nhận chứng từ thanh toán được cán bộ nghiệp vụ Hai Bên ký xác nhận bằng biên bản giao nhận chứng từ.

4.5. Quyết toán và thanh lý hợp đồng: Hết thời gian thực hiện Hợp đồng và Hai Bên đã thực hiện xong các nghĩa vụ của mình thì Hợp đồng tự động được thanh lý.

Điều 5. Trách nhiệm của các Bên:

5.1. Trách nhiệm của Bên A:

a. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B tổ chức giao hàng, thông báo và gửi kết quả phân tích mẫu Than cho Bên B đúng thời gian qui định tại Điều 2 của Hợp đồng.

b. Tiếp nhận hàng từ 6h00 đến 17h00. Trong trường hợp cần thiết để đáp ứng yêu cầu tiến độ nhập hàng thì có thể kéo dài thời gian giao hàng nhưng không quá 22h00.

c. Tổ chức nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán đối trừ giá trị, khối lượng hoàn thành theo qui định của Hợp đồng.

d. Khối lượng than mua theo Hợp đồng này, Bên A chỉ được sử dụng phục vụ sản xuất của đơn vị mình không được bán lại cho các đơn vị khác.

e. Thanh toán tiền hàng cho Bên B đúng kỳ hạn thỏa thuận.

5.2. Trách nhiệm của Bên B:

a. Đảm bảo cung cấp hàng hóa theo quy định của Hợp đồng.

b. Cung cấp Hóa đơn GTGT cho Bên A kèm theo từng đoàn phương tiện.

c. Cung cấp giấy chứng nhận giám định chất lượng hàng hóa của Bên B do đơn vị giám định độc lập có chức năng thực hiện.

d. Bên B chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn hàng cung cấp cho Bên A.

e. Thực hiện nghĩa vụ Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo qui định tại Điều 6.

f. Phối hợp với Bên A, tham gia lấy mẫu, giao nhận hàng hóa, nghiệm thu và lập hồ sơ thanh toán giá trị, khối lượng hoàn thành làm cơ sở để đối trừ hoặc/và thanh toán giữa Hai Bên.

Điều 6. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng:

6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

a. Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A trong vòng 07 ngày kể từ ngày Hợp đồng được ký kết.

b. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng phải được tuân theo mẫu được Bên A chấp thuận.

c. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là: 2% giá trị Hợp đồng;

d. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Từ ngày / /2019 đến hết ngày / /2019.

6.2. Bên A sẽ hoàn trả cho Bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Bên B đã hoàn thành các công việc theo qui định của Hợp đồng.

6.3. Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a. Từ chối thực hiện Hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

b. Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

Điều 7. Bất khả kháng:

7.1. Không Bên nào phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên kia khi không thể hoàn thành toàn bộ hay một phần trách nhiệm của mình, hay bị ngăn cản, bị trì hoãn trong việc thực hiện nghĩa vụ vì lý do thiên tai, bão táp, núi lửa, động đất, tình trạng lụt

lợi, chiến tranh, bế quan toả cảng bởi lực lượng thù địch, nổi loạn, đình công, lãn công tại nhà máy, cảng, mà không tiên liệu được và ngoài tầm kiểm soát của mình.

7.2. Khi tình trạng bất khả kháng xảy ra, Bên gặp bất khả kháng sẽ phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản (Fax) trong vòng 48 giờ kể từ khi xảy ra tình trạng bất khả kháng.

7.3. Bên gặp bất khả kháng sẽ phải tiếp tục thực hiện trách nhiệm của mình khi bất khả kháng kết thúc

7.4. Nếu tình trạng bất khả kháng tiếp diễn quá 20 ngày, mỗi bên tùy theo sự lựa chọn của mình, có thể quyết định tiếp tục hoặc ngừng thực hiện Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên kia sẽ không có quyền khiếu nại đòi bồi thường.

Điều 8. Điều khoản thi hành:

8.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận. Không Bên nào được gây khó khăn hoặc cản trở Bên kia thực hiện trách nhiệm và quyền lợi của mình qui định trong hợp đồng này.

8.2. Mọi thay đổi, bổ sung (nếu có) phải được bàn bạc, thống nhất và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng ký giữa đại diện Hai Bên mới có hiệu lực thực hiện.

8.3. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vướng mắc, Hai Bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi hợp pháp của Các Bên. Nếu Hai Bên không thể tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Tòa án để xét xử.

8.4. Hợp đồng sẽ tự động thanh lý mà không cần phải lập văn bản sau 30 ngày kể từ khi Hai Bên thực hiện xong quyền lợi và nghĩa vụ theo thoả thuận của Hợp đồng này.

7.5. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 05 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

Họ và tên
Chức danh